

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 20/3/2020

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Chí Tâm

- *Các Hội thẩm nhân dân* 1/ Ông Danh On

2/ Bà Nguyễn Thị Hiếu

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Quách Văn Quy - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa:* Ông Dương Minh Kha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 291/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 3 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Q, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh B.

(Chị Q và anh Nh đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của nguyên đơn chị Lê Thị Q tại đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi với chồng tôi quen biết nhau và tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện và chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc với nhau nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau khoảng hơn 06 tháng nay. Xét thấy tình

cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu ly hôn với anh Nh.

Về con chung: Tôi với anh Nh có với nhau hai người con chung tên Nguyễn Trung T, sinh ngày 24/3/2002 và Nguyễn Trung K, sinh ngày 28/10/2010. Hiện nay các con đang chung sống cùng với tôi. Khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, tôi không còn yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn Nh có lời khai như sau: Tôi với vợ tôi quen biết nhau và chung sống với nhau có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện không ai ép buộc hay lừa dối nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc với nhau nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nên thường xuyên cãi nhau nên đã ly thân nhau khoảng 06 tháng nay. Nay vợ tôi yêu cầu ly hôn tôi đồng ý.

Về con chung: Chúng tôi có với nhau hai người con chung tên Nguyễn Trung T, sinh ngày 24/3/2002 và Nguyễn Trung K, sinh ngày 28/10/2010 hiện đang chung sống cùng với vợ tôi. Khi ly hôn tôi đồng ý để vợ tôi được trực tiếp nuôi dưỡng các con, tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, tôi không còn yêu cầu nào khác.

- Ý kiến của cháu Nguyễn Trung T và Nguyễn Trung K như sau: Các cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ khi cha, mẹ cháu ly hôn. Ngoài ra, không có ý kiến nào khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Q.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Văn Nh là vợ chồng.

Về con chung: Tiếp tục giao hai cháu Nguyễn Trung T, sinh ngày 24/3/2002 và Nguyễn Trung K, sinh ngày 28/10/2010 cho chị Lê Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn Nh không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn Nh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Lê Thị Q phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Lê Thị Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Nh nên căn cứ khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Văn Nh có nơi đăng ký thường trú tại Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh B nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Lê Thị Q và bị đơn anh Nguyễn Văn Nh vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[II] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Q.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Văn Nh cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu hai người chung sống với nhau hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân với nhau. Nay chị Q yêu cầu ly hôn với anh Nh và anh Nh cũng đồng ý. Cho nên Hội đồng xét xử, xét thấy: Cần không công nhận chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Văn Nh là vợ chồng theo khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Q và anh Nh có với nhau hai người con chung tên Nguyễn Trung T, sinh ngày 24/3/2002 và Nguyễn Trung K, sinh ngày 28/10/2010. Hiện nay các cháu đang chung sống cùng với chị Q. Chị Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con, không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu này của chị Q được anh Nh chấp nhận. Đồng thời, cháu Tính và Kiên cũng có nguyện vọng được chung sống cùng chị Q khi chị Q và anh Nh ly hôn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu này của chị Q. Tiếp tục giao hai cháu Nguyễn Trung T, sinh ngày 24/3/2002 và Nguyễn Trung K, sinh ngày 28/10/2010 cho chị Lê Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn Nh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn Nh có quyền và nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Trung T và Nguyễn Trung K mà không ai được cản trở. Anh Nguyễn Văn Nh được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Văn Nh xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Lê Thị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh Nguyễn Văn Nh không phải chịu án phí.

[5] Về ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, 15, Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Văn Nh là vợ chồng.

2. Về con chung: Tiếp tục giao hai cháu Nguyễn Trung T, sinh ngày 24/3/2002 và Nguyễn Trung K, sinh ngày 28/10/2010 cho chị Lê Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn Nh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn Nh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Q nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Lê Thị Q đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002867 ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, nay chuyển thu án phí. Anh Nguyễn Văn Nh không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Chí Tâm